

Số: 57/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Thiệu Văn Kết Em.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang- Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 213/2025/TLST-LĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 68/2025/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1991; thường trú: Ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang), Địa chỉ liên hệ: Số A, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty M; địa chỉ: khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.
- Bảo hiểm xã hội cơ sở L – Bảo hiểm xã hội thành phố L; trụ sở: Đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai bà Nguyễn Thị Hồng Y trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng Y liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để làm các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định thì được Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Hồng Y bị trùng. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013, bà Nguyễn Thị Hồng Y có làm việc tại Công ty M địa chỉ: 1 khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty Đ mã số 7411050209.

Bà Nguyễn Thị Hồng Y xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013, bà cho người quen mượn chứng minh nhân dân của mình để ký kết hợp đồng lao động với Công ty M nên Công ty có tham gia BHXH cho với tên của bà trong khoản thời gian từ

tháng 5/2011 đến tháng 3/2013. Do đó, nay bà làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng lao động giữa bà và Công ty M trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013 theo mã số Bảo hiểm xã hội số 7411050209.

Bảo hiểm xã hội cơ sở L – Bảo hiểm xã hội thành phố L trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty M cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1991, số CCCD 089191006110, với mã số BHXH 7411050209 có quá trình tham gia BHXH, BHYT từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013.

Ngoài ra, qua tra cứu dữ liệu, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Bảo hiểm xã hội thành phố L phát hiện trong khoảng thời gian trên bà Nguyễn Thị Hồng Y còn có mã số 7410099127 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN tại nhiều công ty, thời gian tham gia từ tháng 3/2010 đến tháng 5/2025.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y và Công ty M, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên họp.

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng Y và Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu – Bảo hiểm xã hội thành phố L đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người đại diện của Công ty M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng Y và Bảo hiểm xã hội cơ sở L – Bảo hiểm xã hội thành phố L có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về phía Công ty M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Trong thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013, người lao động bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1991, số căn cước công dân 089191006110 Công ty M tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7411050209. Tuy nhiên, khi thực hiện điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Hồng Y bị trùng. Trong quá trình rà soát, Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu - Bảo

hiểm xã hội thành phố L phát hiện trong khoảng thời gian trên bà Y cũng tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác.

[4] Xét thấy, trong quá trình bà Nguyễn Thị Hồng Y được Công ty M tham gia bảo hiểm xã hội từ 5/2011 đến tháng 3/2013, cũng đồng thời được đơn vị khác tham gia bảo hiểm xã hội. Bà Nguyễn Thị Hồng Y xác định trong khoảng thời gian trên bà có cho người quen mượn căn cước công dân của mình để giao kết hợp đồng với Công ty M, đây là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Quá trình tố tụng, Bảo hiểm xã hội cơ sở L – Bảo hiểm xã hội thành phố L đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị Hồng Y bị trùng từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Hồng Y yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 5/2011 đến tháng 3/2013 giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y với Công ty M là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 128, Điều 129 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được điều chỉnh thông tin và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[7] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu theo quy định.

[8] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 và Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị Hồng Y.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng Y với Công ty M trong khoảng thời gian từ 5/2011 đến tháng 3/2013 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411050209) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7411050209 không phải là bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1991, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 089191006110. Bà Nguyễn Thị Hồng Y được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến

hành thủ tục cải chính thông tin bảo hiểm xã hội theo quy định.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị Hồng Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007673 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16;
- Phòng THA KV 16;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Thiệu Văn Kết Em